

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 28/9/2022

“V/v ly hôn, con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Minh Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trương Ngọc Nhân

Ông: Lê Minh Toàn

- Thư ký phiên toà: ông Cao Lương Bằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: ông Tô Hoài – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2022 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2021/TLST - HNGĐ ngày 03/11/2021 về việc “ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh C H T – sinh năm 1983

Trú tại: thôn T L, xã H H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: chị Đ T B – sinh năm 1992

Trú tại: thôn T L, xã H H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2021 và trong bản tự khai ngày 28/12/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đ T H trình bày: anh và chị Đ T B kết hôn ngày 25/10/2010 tại UBND xã H H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở tự nguyện, bước đầu cuộc sống hạnh phúc sau xảy ra mâu thuẫn và vợ ngoại tình nên hai vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên anh C H T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Về con chung: hai vợ chồng có 03 con chung là cháu C N B U sinh ngày 29/10/2009, cháu C N N Đ sinh ngày 14/9/2012 và cháu C Đ T sinh ngày

07/02/2014. Nếu ly hôn anh C H T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 03 con và yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng. Về tài sản và các khoản vay chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thụ lý vụ kiện và tiến hành giải quyết, đã triệu tập các bên để hòa giải nhưng có mặt anh C H T, vắng mặt chị Đ T B nên Tòa án không hòa giải được. Ngày 25/3/2022, Tòa án đã tiến hành xác minh tại xã Hóa Hợp, kết quả xác minh chị Đ T B có hộ khẩu ở xã Hóa Hợp, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình nhưng đi làm ăn ở tỉnh Đắk Lắk, thường trú ở xã Ea Đá, huyện Krông Năng. Tòa án đã ủy thác cho Tòa án huyện Krông Năng nhưng không có kết quả. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng ở xã Hóa Hợp nhưng chị Bé cũng không đến Tòa án để giải quyết. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 14/9/2022 Tòa án đã hoãn phiên tòa do chị B vắng mặt.

Ngày 20/9/2022 anh C H T đã có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu đối với Thẩm phán và Thư ký quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ các quy định của pháp luật; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử: anh C H T ly hôn chị Đ T B và áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cho anh C H T nuôi cháu 03 con là cháu C N B U sinh ngày 29/10/2009, cháu C N N Đ sinh ngày 14/9/2012 và cháu C Đ T sinh ngày 07/02/2014. Chị Bé có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: anh C H T kết hôn với chị Đ T B tại UBND xã H H, huyện M H, tỉnh Quảng Bình là hoàn toàn tự nguyện. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm không khắc phục được dẫn đến sống ly thân từ năm 2017 đến nay đã 05 năm, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét nguyện vọng ly hôn của anh C H T là có cơ sở cần chấp nhận. Vì vậy căn cứ các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chị anh C H T ly hôn chị Đ T B.

[2] . Về con chung: hai vợ chồng có 03 con là cháu C N B U sinh ngày 29/10/2009, cháu C N N Đ sinh ngày 14/9/2012 và cháu C Đ T sinh ngày 07/02/2014. Hiện tại các cháu đang ở với anh Đ H T, các cháu có nguyện vọng được ở với anh T và cháu C N N Đ bị khuyết tật. Vì vậy nguyện vọng của anh T phù hợp với điều kiện tâm lý và nguyện vọng của các con. Vì vậy căn cứ và khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình giao cả 03 cháu

cho anh C H T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 800.000 đồng/tháng, tổng cộng tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 2.400.000 đồng kể từ tháng 10/2022 đến khi các con tròn 18 tuổi;

[3] . Về tài sản chung: không yêu cầu; vay nợ chung: không có

[4] . Về án phí: anh C H T và chị Đ T B thuộc diện hộ nghèo nên căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho anh C H T và chị Đ T B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

1. Về quan hệ hôn nhân: áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử anh C H T ly hôn vắng mặt chị Đ T B;

2. Về con chung: áp dụng khoản 2 Điều 81, các Điều 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu C N B U sinh ngày 29/10/2009, cháu C N N Đ sinh ngày 14/9/2012 và cháu C Đ T sinh ngày 07/02/2014 cho anh C H T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Đ T B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 800.000 đồng/cháu, tổng cộng tiền cấp dưỡng mỗi tháng là 2.400.000 đồng kể từ tháng 10/2022 đến khi các con tròn 18 tuổi;

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì lợi ích của con thì một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và công nợ: không yêu cầu.

4. Về án phí: anh C H T được miễn án phí dân sự sơ thẩm; chị Đ T B được miễn án phí cấp dưỡng.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/9/2022), bị đơn thời hạn trên kể từ ngày nhận bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn; bị đơn;
- UBND xã H H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA:**

Nguyễn Minh Toàn